Người ký: Ủy ban Nhân dân Huyện Củ Chi
Email: cuchi@tphcm.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian ký: 16.06.2020 15:14:43 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3457/QĐ-UBND	*Củ Chi, ngày 15 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2020 - 2021 trên địa bàn huyện Củ Chi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 4, điểm d khoản 1 và đoạn đầu khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp từ năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp từ năm học 2020 - 2021 ban hành kèm theo Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tại Tờ trình số 608/TTr-GDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2020 - 2021 trên địa bàn huyện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở GD&ĐT TP.HCM;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- TT. UBND huyện;
- UB. MTTQ VN và các đoàn thể huyện;
- Đài Truyền thanh huyện;
- Hội Khuyến học huyện;
- Hội Cựu Giáo chức huyện;
- TT GDNN-GDTX; Trường TCCN; TCN;
- Các trường MN, TH, THCS, THPT;
- Lưu: VT, PGDĐT.2. M.Hiep.18.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thanh Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2020 - 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi)

A. YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC TUYỂN SINH

1. Đảm bảo đủ chỗ học cho con em nhân dân trên địa bàn huyện, đặc biệt là con em gia đình chính sách, gia đình nghèo, công nhân; thực hiện tốt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục bậc trung học. Thực hiện tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; khuyến khích học sinh thi tuyển vào lớp 10 chọn nguyện vọng phù hợp với bản thân, gần nơi cư trú để thuận lợi cho việc tiếp tục đi học khi trúng tuyển và giảm áp lực giao thông theo chủ trương của thành phố.

2. Đảm bảo 100% học sinh lớp 1 được học 2 buổi/ngày để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đồng thời xây dựng kế hoạch những năm tiếp theo cho các lớp còn lại học 2 buổi/ngày.

3. Phấn đấu xây dựng ở mỗi cấp học một trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế theo Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Khuyến khích các trường tổ chức dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam nhằm thực hiện chủ trương chủ động hội nhập và thực hiện chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của thành phố.

4. Thực hiện đúng quy chế ở mỗi cấp học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo nghiêm túc, an toàn, công bằng, chính xác, đánh giá đúng trình độ người học, phản ánh đúng chất lượng dạy và học.

5. Nghiêm cấm các trường vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh và các trường hợp chuyển hộ khẩu hoặc đăng ký tạm trú để đối phó với việc phân tuyến của Ban Chỉ đạo tuyển sinh các lớp đầu cấp. Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi và Trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 chỉ nhận những trường hợp: học sinh có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Củ Chi (và có tên cha hoặc tên mẹ trong hộ khẩu) hoặc có hộ khẩu ghép với ông bà nội, ông bà ngoại (và có tên cha hoặc tên mẹ trong hộ khẩu) tại thị trấn Củ Chi.

B. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

1. Huy động trẻ vào trường mầm non

- Lớp lá:

+ Dân số độ tuổi sinh năm 2015 (5 tuổi): 5961 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 5961 trẻ, đạt tỷ lệ 100%.

- Lớp chồi:

+ Dân số độ tuổi sinh năm 2016 (4 tuổi): 6002 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 6002 trẻ, đạt tỷ lệ 100%.

- Lớp mầm:

+ Dân số độ tuổi sinh năm 2017 (3 tuổi): 4095 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 4095 trẻ, đạt tỷ lệ 100%

- Nhóm trẻ:

+ Tổng số trẻ nhà trẻ: 2382 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 1315 trẻ, tỷ lệ: 55,21%

- Trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi:

+ Tổng số trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi: 1305 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 27 trẻ; tỷ lệ 1,91%

2. Tuyển sinh vào lớp 1

- Dân số độ tuổi sinh năm 2014 (6 tuổi): 6914 trẻ.

- Dự kiến tuyển sinh: 6914 học sinh, đạt tỷ lệ 100%, trong đó có hộ khẩu trường trú: 5573, tạm trú: 1341 trẻ.

3. Tuyển sinh vào lớp 6

- Dự kiến số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 7571 học sinh.

- Dự kiến tuyển sinh: 7571 học sinh, tỷ lệ 100%.

- Lớp học 2 buổi/ngày: 150/183, tỷ lệ 81,97%.

4. Tuyển sinh vào lớp 10 và các hệ tương đương

- Dự kiến số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở: 5507/5519 học sinh.

- Dự kiến tuyển vào lớp 10 và các hệ tương đương đạt tỷ lệ 95%.

C. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

1. Huy động trẻ ra lớp mầm non 5 tuổi và các lớp khác

- Huy động 100% trẻ 5 tuổi trong diện đi học đang cư trú trên địa bàn huyện Củ Chi vào trường mầm non theo tuyến do Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện quy định (kèm phụ lục 1: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng nhóm trẻ, lớp chồi, mầm, lá và các nhóm dành cho trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi).

- Căn cứ tình hình thực tế về cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo viên, Hiệu trưởng có kế hoạch đảm bảo chỗ học cho các cháu độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo và diện tích phòng sinh hoạt chung đảm bảo 1,5m^2 - 1,8m^2 cho một trẻ.

- Đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục: Nhận trẻ đúng theo quyết định của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn về việc thành lập nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo.

- Đối với trẻ 5 tuổi: Không dạy lớp ghép, đảm bảo có đủ giáo viên, đủ trang thiết bị theo Quyết định số 3141/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Tiêu chuẩn kỹ thuật Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non, thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo từng độ tuổi (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Thực hiện sĩ số trẻ trên một lớp đúng Điều lệ trường Mầm non theo từng độ tuổi: Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi: 15 trẻ; từ 13 đến 24 tháng tuổi: 20 trẻ; từ 25 đến 36 tháng tuổi: 25 trẻ. Lớp mẫu giáo: 3 - 4 tuổi: 25 trẻ; 4 - 5 tuổi: 30 trẻ; 5 - 6 tuổi: 35 trẻ.

Lưu ý: Theo mục d, khoản 1, Điều 13 của Điều lệ trường mầm non "Khi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có một trẻ khuyết tật học hòa nhập thì sĩ số của lớp được giảm 5 trẻ". Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo không quá 2 trẻ cùng một loại tật.

- Tỷ lệ trẻ học bán trú: 96%.

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2020.

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 20/7/2020

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin xét tuyển

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

+ Giấy chứng nhận sức khỏe (đối với các cháu mới xin học lần đầu)

- Năm học 2020 - 2021, là năm thứ năm Trường Mầm non Thị Trấn Củ Chi 2 tiếp tục thực hiện xây dựng trường tiên tiến hiện đại đối với trẻ các lớp mầm (3-4 tuổi), lớp chồi (4-5 tuổi) và lớp lá (5-6 tuổi) theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Căn cứ nhu cầu của cha mẹ học sinh và điều kiện của đơn vị, các cơ sở giáo dục mầm non có thể cho trẻ làm quen với trường lớp trong thời gian nghỉ hè.

2. Tuyển sinh vào lớp 1

a. Lớp 1

- Huy động 100% trẻ 6 tuổi trong diện đi học đang cư trú trên địa bàn huyện vào học lớp 1 theo tuyến do Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện quy định (kèm phụ lục 2: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng xã, thị trấn, trường tiểu học).

- Không nhận học sinh sớm tuổi và không nhận học sinh trái tuyến ngoài địa bàn quy định.

- Phấn đấu thực hiện sĩ số lớp theo Điều lệ trường tiểu học (35 em/lớp).

- Đảm bảo 100% học sinh lớp 1 được học 2 buổi/ngày để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tiếp tục đẩy mạnh tổ chức học Tiếng Anh ngay từ lớp 1 theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phấn đấu tỷ lệ học sinh bán trú: phấn đấu đạt từ 40% trở lên

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2020

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 31/7/2020.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển (theo mẫu do trường tiểu học trong địa bàn phát hành)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

b. Lớp 1 tăng cường tiếng Anh

- Điều kiện: Cha mẹ học sinh có nhu cầu và tự nguyện cho con em được học lớp 1 tăng cường tiếng Anh (kèm phụ lục 3a: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 1 tăng cường tiếng Anh trường tiểu học).

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2020

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 31/7/2020

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển lớp 1 tăng cường tiếng Anh (theo mẫu do trường tiểu học trong địa bàn phát hành)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

- Tổ chức tăng cường tiếng Anh cho học sinh lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố.

c. Lớp 1 chương trình "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"

- Điều kiện: Cha mẹ học sinh trên địa bàn huyện có nhu cầu và tự nguyện cho con em được học chương trình: "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam" tại Trường Tiểu học Thị Trấn Củ Chi trên cơ sở trường lớp; kết quả khảo sát năng lực sử dụng tiếng Anh của học sinh, năng lực tài chính của phụ huynh (kèm phụ lục 3b: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 1 chương trình tích hợp: "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình tiếng Anh và Việt Nam trường tiểu học).

- Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 35 học sinh/lớp.

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2020

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 31/7/2020

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển lớp 1 chương trình tích hợp (theo mẫu do Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi phát hành)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

- Tổ chức dạy Chương trình tích hợp cho học sinh lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố.

- Lưu ý: Học sinh nộp hồ sơ xét tuyển theo chương trình tích hợp tại Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi vẫn phải nộp hồ sơ xét tuyển vào lớp 1 bình thường theo phân tuyến.

3. Tuyển sinh vào lớp 6

a. Lớp 6

- Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình tiểu học tại các trường tiểu học trên địa bàn huyện Củ Chi được xét tuyển vào học lớp 6 theo tuyến do Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện quy định (kèm phụ lục 4: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng xã, thị trấn, trường trung học cơ sở).

- Không tổ chức thi tuyển.

- Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 45 học sinh/lớp.

- Phấn đấu tỷ lệ học sinh bán trú: phấn đấu đạt từ 20% trở lên

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 15/7/2020

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: ngày 05/8/2020

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển (theo mẫu do trường trung học cơ sở trong địa bàn phát hành)

+ Học bạ (bản chính) cấp tiểu học

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

b. Lớp 6 tăng cường tiếng Anh

- Điều kiện: Học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học trên địa bàn huyện (chỉ xét tuyển theo tuyến) và có điểm kiểm tra công nhận trình độ từng kỹ năng ở lớp 5 đạt từ 6 điểm trở lên hoặc có điểm toàn năm từng kỹ năng từ 6 điểm trở lên hoặc có trình độ A2 theo khung CEFR như: chứng chỉ Cambridge

Flyer 10/15 khiên hoặc TOEFL Primary Step 2 đạt 3/5 huy hiệu, hoặc cấp độ Quickmarch đạt Pass 3/5 sao của PTE Young Learners (kèm phụ lục 5a: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 6 tăng cường tiếng Anh trường trung học cơ sở).

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 15/7/2020

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: ngày 05/8/2020

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển lớp 6 tăng cường tiếng Anh (theo mẫu do trường trung học cơ sở trong địa bàn phát hành)

+ Học bạ (bản chính) cấp tiểu học

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

+ Chứng chỉ Cambridge Flyer hoặc TOEFL Primary Step 2 hoặc Quickmarch pass (Bản sao có công chứng hoặc đem theo bản chính để đối chiếu).

c. Lớp 6 chương trình "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam"

- Tiếp tục thực hiện tại Trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 trên cơ sở trường lớp và kết quả khảo sát năng lực sử dụng tiếng Anh của học sinh, năng lực tài chính của phụ huynh (kèm phụ lục 5b: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 6 chương trình tích hợp: "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình tiếng Anh và Việt Nam trường trung học cơ sở).

- Điều kiện: Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn huyện, có đủ năng lực tiếng Anh theo qui định trình độ thỏa một trong các yêu cầu về tiếng Anh sau đây:

+ Theo hệ thống Pearson English: có chứng chỉ PTE cấp độ Quickmarch (Pass – số sao tối thiểu 3/5 sao).

+ Theo hệ thống Cambridge English: có chứng chỉ Flyer (số khiên tối thiểu 10/15 khiên).

+ Theo hệ thống ETS: có chứng chỉ TOEFL Primary bậc 2 với số huy hiệu tối thiểu là 3/4 huy hiệu (TOEFL Primary, Step 2, 3 badges).

+ Học sinh phải hoàn tất bài khảo sát năng lực tiếng Anh đầu vào của chương trình (Placement test).

- Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 35 học sinh/lớp.

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 15/7/2020

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: ngày 05/8/2020

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin nhập học lớp 6 chương trình tích hợp (theo mẫu do trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 phát hành)

+ Học bạ cấp tiểu học và Học bạ tiếng Anh tăng cường (bản sao có công chứng)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

+ Chứng chỉ tiếng Anh (Bản sao có công chứng hoặc đem theo bản chính để đối chiếu).

- Lưu ý: Học sinh nộp hồ sơ xét tuyển theo chương trình tích hợp tại Trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 vẫn phải nộp hồ sơ xét tuyển vào lớp 6 bình thường theo phân tuyến.

4. Tuyển sinh vào trường trung cấp, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên

- Điều kiện: Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở có thể đăng ký xét tuyển vào học tại các trường trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn huyện Củ Chi (kèm phụ lục 6: Bảng số liệu chỉ tiêu các trường trung cấp, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên).

- Căn cứ xét tuyển:

+ Điểm tốt nghiệp trung học cơ sở

+ Điểm tổng kết các môn học 4 năm trung học cơ sở;

+ Điểm tổng kết các môn học năm cuối cấp trung học cơ sở.

- Nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại trường, trung tâm theo các đợt tuyển sinh trong năm do trường, trung tâm quy định.

5. Việc xét tuyển trẻ mầm non, học sinh lớp 1, lớp 6 học ngoài tuyến tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn huyện

Sau khi tuyển sinh theo địa bàn phân tuyến do Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện quy định, nếu các trường còn chỉ tiêu, Ban chỉ đạo tuyển sinh sẽ xem xét và xét tuyển bổ sung đối với những học sinh ngoài địa bàn theo nguyện vọng chính đáng của cha mẹ học sinh.

a. Điều kiện xét tuyển học sinh ngoài tuyến

- Chỉ giải quyết ngoài tuyến đối với những trường còn chỉ tiêu tuyển sinh; số lượng giải quyết ngoài tuyến không vượt quá 20% chỉ tiêu tuyển sinh.

- Học sinh khuyết tật học hòa nhập, học sinh là người dân tộc, con gia đình chính sách, có cha hoặc mẹ đang làm việc tại các đơn vị gần trường học nơi cha mẹ đang công tác.

- Học sinh là con của bộ đội, chiến sĩ công an đang làm nhiệm vụ đặc biệt dài hạn; con của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có khó khăn trong việc đưa đón trẻ được ưu tiên xét tuyển vào học tại các trường học gần nơi cha mẹ đang công tác.

Lưu ý: Điều kiện ưu tiên chỉ áp dụng trong trường hợp trường học sinh xin học ngoài tuyến gần nhà hoặc gần cơ quan của cha mẹ để thuận tiện cho việc đưa đón. Học sinh nộp hồ sơ trái tuyến vẫn phải nộp hồ sơ xét tuyển theo tuyến bình thường.

b. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị xét tuyển ngoài tuyến của cha mẹ học sinh có xác nhận của cơ quan nơi cha hoặc mẹ đang công tác để làm cơ sở xét tuyển. Các trường hợp còn lại phải có xác nhận của địa phương nơi trẻ đang cư trú

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

- Bản photo hộ khẩu (khi nộp đem theo bản chính để đối chiếu)

- Giấy xác nhận của cơ quan, đơn vị (nếu có)

- Giấy chứng minh nhân dân và chứng minh quân nhân của cha, mẹ (nếu có).

c. Trình tự, thời gian xét tuyển

- Bước 1: Từ ngày 01/8/2020 đến hết ngày 02/8/2020, tổ chức tiếp nhận, kiểm tra đối chiếu hồ sơ và lập danh sách tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh.

- Bước 2: Hội đồng Tuyển sinh tổ chức họp xét duyệt từng trường hợp xin học ngoài tuyến.

- Bước 3: Hội đồng Tuyển sinh trình Ban Chỉ đạo tuyển sinh phê duyệt danh sách đề nghị xét tuyển ngoài tuyến.

- Bước 4: Ban Chỉ đạo Tuyển sinh phê duyệt danh sách học sinh ngoài tuyến.

- Bước 5: Các trường nhận danh sách học sinh ngoài tuyến đã được phê duyệt từ Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và niêm yết công khai tại bảng thông tin của đơn vị.

- Bước 6: Hiệu trưởng tiếp nhận, công khai danh sách tuyển sinh đã được phê duyệt cho cha mẹ học sinh và học sinh biết và sắp xếp chỗ học cho học sinh.

d. Địa điểm tiếp nhận hồ sơ

- Đối với những trường hợp xin được học ngoài tuyến ở trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn Thị trấn Củ Chi: Cha mẹ học sinh nộp hồ sơ tại một trong các địa điểm sau:

+ Cấp mầm non: Trường Mầm non Thị trấn Củ Chi 2. Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, Khu phố 2, Thị Trấn Củ Chi.

+ Cấp tiểu học: Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi. Địa chỉ: đường Nguyễn Phúc Trú, Khu phố 1, Thị Trấn Củ Chi (Cổng số 1).

+ Cấp trung học cơ sở: Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi. Địa chỉ: đường Nguyễn Phúc Trú, Khu phố 1, Thị Trấn Củ Chi (Cổng số 2).

Lưu ý, các thành viên Tổ Giúp việc (theo Quyết định của UBND huyện) tiến hành tiếp nhận hồ sơ tại các địa điểm trên).

- Đối với các trường hợp khác: Cha mẹ học sinh nộp hồ sơ tại trường xin học ngoài tuyến (từ ngày 01/8/2020 đến hết ngày 02/8/2020). Hiệu trưởng tổ chức tiếp nhận, kiểm tra đối chiếu hồ sơ; tổng hợp, lập danh sách và gửi về Hội đồng tuyển sinh (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện) để tổ chức xét duyệt và trình Ban Chỉ đạo tuyển sinh phê duyệt danh sách. Thời gian gửi hồ sơ, danh sách chậm nhất ngày 04/8/2020.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện

- Triển khai kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2020 - 2021 đến các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên và trường trung cấp để có kế hoạch thực hiện.

- Tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo công tác huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2020 - 2021 để chỉ đạo và kiểm tra toàn bộ công tác tuyển sinh của huyện và ở các trường; tham mưu thành lập Hội đồng tuyển sinh ngoài tuyến và Tổ tiếp nhận, kiểm tra, xét duyệt hồ sơ tuyển sinh các lớp đầu cấp.

2. Đài truyền thanh huyện

Phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, các phòng, ban, đoàn thể huyện, các xã, thị trấn đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2020-2021; vận động người dân thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường" vào đầu năm học mới.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các hội, đoàn thể huyện

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các hội, đoàn thể huyện phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung của kế hoạch này; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, người dân đưa trẻ đến trường.

4. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2020 - 2021 trên địa bàn.

- Thành lập Ban chỉ đạo công tác huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp trên địa bàn.

- Triển khai đến các đơn vị trường học, Ban nhân dân các ấp, Ban điều hành khu phố, các ban ngành đoàn thể tổ chức thực hiện công tác huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp theo đúng tiến độ. Tích cực vận động người dân thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường".

- Rà soát, lập danh sách và vận động các đơn vị hỗ trợ sách, vở, quần áo,… cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn trước ngày khai giảng năm học mới.

5. Hiệu trưởng trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở

- Xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2020 - 2021.

- Thành lập Hội đồng tuyển sinh đầu cấp.

- Phổ biến những thông tin cần thiết để cha mẹ học sinh và học sinh biết, tìm hiểu về trường mới trước khi đăng ký nguyện vọng tuyển sinh.

- Công khai mẫu đơn và tổ chức cho cha mẹ học sinh đăng ký nhập học bằng hình thức trực tuyến qua Cổng Thông tin điện tử của đơn vị.

- Tuyệt đối không giải quyết cho học sinh chuyển trường.

E. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

- Từ ngày 15 tháng 6 năm 2020, các trường phối hợp với Ban Nhân dân ấp, Ban Điều hành khu phố gửi thư mời đến phụ huynh có trẻ trong độ tuổi đến trường để vận động các em ra lớp.

- Ban Chỉ đạo huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2020 - 2021 ở các xã, thị trấn báo cáo tiến độ thực hiện về Ban Chỉ đạo huyện (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện) theo mốc thời gian như sau:

+ Lần 1: Ngày 16 tháng 7 năm 2020.

+ Lần 2: Ngày 23 tháng 7 năm 2020.

+ Lần 3: Ngày 30 tháng 7 năm 2020.

+ Lần 4: Ngày 06 tháng 8 năm 2020.

+ Lần 5: Ngày 13 tháng 8 năm 2020./.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ TỪNG NHÓM TRẺ, LỚP MẦM, CHỒI VÀ LÁ CÔNG LẬP VÀ NGOÀI CÔNG LẬP NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số: 3457/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2020 của UBND huyện Củ Chi)

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2015)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2018		Lớp Mầm sinh năm 2017		Lớp Chồi sinh năm 2016		Lớp Lá sinh năm 2015		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
TỔNG CỘNG:		**5961**			**860**	**1280**	**2**	**27**	**67**	**1315**	**191**	**4095**	**246**	**6002**	**219**	**5961**	**100%**
1. Công lập		**4943**			**489**	**700**	**2**	**27**	**23**	**455**	**68**	**1709**	**116**	**3340**	**183**	**4943**	
1	Tân Phú Trung	460	MN Tân Phú Trung 1	Ấp Đình, Ấp Giữa, Bến Đò 1, Bến Đò 2, Xóm Đồng, xã Tân Phú Trung.	18	29					4	80	5	135	9	250	100%
2			MN Tân Phú Trung 2	Ấp Chợ, Láng Cát, Giòng Sao, Phú Lợi, Trạm Bơm, ấp Cây Da, xã T.P.Trung.	11	15							3	70	8	210	100%
3	Tân Thông Hội	411	MN Tân Thông Hội 1	Ấp Bàu Sim, hẻm 218 tổ 4, tổ 5a, 6, 8, 9 của ấp Hậu, tổ 1,2,3,4,9 ấp Trung - xã Tân Thông Hội và tổ 1,2 của ấp 2 - xã P.V.An.	12	24			2	40	3	68	3	90	4	103	100%
4			MN Tân Thông Hội 2	Ấp Thượng, tổ 6 đến tổ 16 ấp Tân Định, tổ 1, 2, 2a, 3, 5, 7, 1/2 đường số 28 tổ 4 ấp Hậu, QL 22, tổ 1, 2a, 2b, 3a, 3b ấp Tân Tiến và tổ 3, 4a, 4b, 5, 8, 9a, 9b, 10, 11 của ấp 3 (xã	17	34	1	12	2	50	4	100	5	150	5	140	100%
5			MN Tân Thông Hội 3	Ấp Chánh, ấp Tiền và tổ 5,6,7,8,10 của ấp Trung - xã Tân Thông Hội.	13	18					1	25	3	90	6	111	100%

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2015)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2018		Lớp Mầm sinh năm 2017		Lớp Chồi sinh năm 2016		Lớp Lá sinh năm 2015		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
6			MN Tân Thông Hội 4	Ấp Tân Lập, Tân Tiến, Tân Thành và tổ 1, 2, 3, 4, 5 của ấp Tân Định - xã T.T.Hội	11	18					2	35	3	67	5	80	100%
7	Thị Trấn Củ Chi	315	MN Thị Trấn Củ Chi 1	Khu phố 3, KP 8, tổ 3, 7 KP 1, tổ 4 KP 4, tổ 1,2 KP 5, tổ 3 KP 6 - TT Củ Chi, tổ 1, 2, 3 ấp Tây xã Tân An Hội và tổ 6, 7, 10 ấp Tân Thành - xã T.T.Hội.	10	16					1	25	4	90	5	100	100%
8			MN Thị Trấn Củ Chi 2	Khu phố 2, khu phố 4, khu phố 6 và tổ 1,2,3 của khu phố 7 - Thị trấn Củ Chi	21	42	1	15	8	120	4	120	4	140	4	123	100%
9	Thị Trấn Củ Chi		MN Thị Trấn Củ Chi 3	Khu phố 1, khu phố 5, khu phố 7 và tổ 7, 8 của khu phố 8 - Thị trấn Củ Chi	13	23			2	50	3	70	4	100	4	118	100%
10			MN Tây Bắc	Tổ 4 KP 1, tổ 6 KP 8 - TT Củ Chi và các trẻ có ba hoặc mẹ làm việc ở khu công nghiệp Tây Bắc.	12	17			1	25	2	60	3	90	3	75	100%
11	Phước Hiệp	196	MN Phước Hiệp	Ấp Mũi Côn Đại, Mũi Côn Tiểu, Trại Đèn, Cây Trôm, Ba Sa, Phước Hòa, Trung Viết, xã Phước Hiệp	16	17					1	24	3	80	6	196	100%
12	Thái Mỹ	225	MN Thái Mỹ	Ấp Bình Hạ Đông, Bình Hạ Tây, Mỹ Khánh A, Mỹ Khánh B, Bình Thượng 1, Bình Thượng 2, ấp Tháp, xã Thái Mỹ.	13	25					2	50	4	120	7	225	100%

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2015)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2018		Lớp Mầm sinh năm 2017		Lớp Chồi sinh năm 2016		Lớp Lá sinh năm 2015		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
13	Trung Lập Hạ	167	MN Trung Lập Hạ	Ấp Trung Hòa, Lào Táo Trung, Gia Bẹ, Xóm Mới, Trảng Lắm, ấp Đồn, xã Trung Lập Hạ.	16	**20**					2	50	3	90	6	167	100%
14	Nhuận Đức	185	MN Nhuận Đức	Ấp Bàu Chứa, Bàu Cạp, Bàu Tròn, Bàu Trăn, Xóm Bưng, Canh Lý, Ngã Tư, Đức Hiệp, Bến Đình, xã Nhuận Đức.	18	19			2	30	2	50	3	90	5	165	100%
15	An Nhơn Tây	260	MN An Nhơn Tây	Ấp Ba Sòng, Bàu Đưng, Gò Nổi, Gò Nổi A, Xóm Mới, Lô 6, Xóm Trại, Gót Chàng, Bến Mương, Chợ Cũ, Chợ Cũ 2, xã A.N Tây.	22	25					3	75	4	120	8	260	100%
16	Phú Mỹ Hưng	137	MN Hoàng Mịnh Đạo	Ấp Phú Lợi, Phú Thuận, Phú Hiệp, Phú Hòa, xã Phú Mỹ Hưng.	12	18					2	50	3	90	4	137	100%
17	Phạm Văn Cội	122	MN Phạm Văn Cội 1	Ấp 3, Ấp 4, Ấp 5 - xã Phạm Văn Cội, tổ 5,7 của ấp Đức Hiệp, tổ 6 đến tổ 11 ấp Bến Đình, và tổ 2,3 của ấp Bàu Cạp - xã Nhuận Đức.	11	22			1	25	3	75	3	90	4	110	100%
18	Phạm Văn Cội		MN Phạm Văn Cội 2	Ấp 1, ấp 2 - xã P.V. Cội, tổ 107,108,109, 110 của ấp Cây Trắc và tổ 6, 6a, 7, 8, 8a, 9, 10, 10a của ấp Phú Hiệp, tổ 69 ấp Cây Trâm, tổ 94a, 94b ấp Phú An, xã P.H.Đông; tổ 2, 3, 4 ấp Đức Hiệp, xã N.Đức.	7	13					2	50	2	60	3	70	100%

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2015)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2018		Lớp Mầm sinh năm 2017		Lớp Chồi sinh năm 2016		Lớp Lá sinh năm 2015		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
19	Phú Hòa Đông	234	MN Phú Hòa Đông	Phú An, Phú Mỹ, Phú Thuận, Phú Lợi, tổ 1,1a,2, 3, 3a, 4, 4a, 5 Phú Hiệp, Cây Trâm, Bến Cỏ, tổ 105, 106 Cây Trắc, ấp Chợ, Phú Trung, Phú Hòa, Phú Bình - xã P.H.Đông.	19	40			1	25	4	100	6	180	8	234	100%
20	Phước Vĩnh An	233	MN Phước Vĩnh An	Ấp 1, tổ 3,4 ấp 2, tổ 1, 2, 6a, 6, 7, 12, 16, 17 ấp 3, ấp 4, ấp 5, ấp 6 - xã P.V.An và tổ 1,2,4 của ấp Cây Da - xã T.P.Trung.	15	18					1	25	3	90	5	175	100%
21	Tân Thạnh Đông	360	MN Tân Thạnh Đông	Ấp 1, ấp 2, 2A, ấp 3A, 3B, ấp 4, 4A, tổ 5,6,7,8,9,10, 11, 12 ấp 5, ấp 7, ấp 8, ấp 9, 9A, ấp 10, ấp 11, 11A xã T.T.Đông.	16	34							5	150	11	221	100%
22			MN Nguyễn Thị Dậu	Ấp 6, 6A, 7A, tổ 1,2,3,4,5 ấp 12, tổ 1, 2,3,4,13,14 ấp 5, xã Tân Thạnh Đông.	16	12					1	25	2	48	6	139	100%
23	Tân Thạnh Tây	100	MN Tân Thạnh Tây	Ấp1, 1A, ấp 2, 2A, ấp 3, 3A - xã Tân Thạnh Tây, tổ 7,8,9,10,11của ấp 6 - xã Tân Thạnh Đông	30	19			1	20	3	75	4	120	6	100	100%
24	Trung An	213	MN Trung An 1	Ấp Chợ, An Hòa, An Bình, Bốn Phú, xã Tr. An	15	10					1	25	2	60	5	131	100%
25			MN Trung An 2	Thạnh An, Hội Thạnh - xã Trung An và tổ 6 7 8 9 10 của ấp 12 - xã T.T Đông	13	27			1	30	3	75	4	120	5	135	100%

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2015)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2018		Lớp Mầm sinh năm 2017		Lớp Chồi sinh năm 2016		Lớp Lá sinh năm 2015		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
26	Hòa Phú	180	MN Hòa Phú	Ấp 1, 1A, Ấp 2, 2A, Ấp 3, Ấp 4, Ấp 5, xã Hòa Phú.	12	23			1	20	3	97	3	110	5	150	100%
27	Bình Mỹ	131	MN Bình Mỹ	Ấp 1, Ấp 2, Ấp 3, Ấp 4A, 4B-Bình Hòa, 4B - Mỹ Sương, Ấp 5, Ấp 6A, 6B, Ấp 7, Ấp 8, xã Bình Mỹ.	23	18					2	35	4	100	9	131	100%
28	Phước Thạnh	218	MN Phước Thạnh	Ấp Chợ, Phước Hưng, Phước Lộc, Phước An, Bàu Điều, Mây Đắng, Mít Nài, Bàu Điều ấp Thượng, Vườn Trầu, Bàu Trâu, xã Phước Thạnh.	25	28					3	75	4	120	7	218	100%
29	Trung Lập Thượng	184	MN Trung Lập Thượng	Ấp Sa Nhỏ, Đồng Lớn, Trung Hiệp Thượng, Ấp Ràng, Lào Táo Thượng, Trung Hưng, Trung Bình, Vân Hàn, xã T.L.Thượng.	16	21			1	20	1	25	4	120	6	184	100%
30	Tân An Hội	407	MN Tân An Hội 1	Ấp Bàu Tre 2, Xóm Chùa, Ấp Tây, Ấp Hậu, Xóm Huế, Cây Sộp, xã T.A.Hội.	13	17					1	25	4	90	4	140	100%
31			MN Tân An Hội 2	Ấp Tam Tân, Mũi Lớn 1, Mũi Lớn 2, Bàu Tre 1, xã Tân An Hội.	12	16					2	70	6	180	4	140	100%
32	An Phú	205	MN An Phú	Ấp An Hòa, An Bình, Xóm Chùa, Xóm Thuốc, Phú Bình, Phú Trung, xã An Phú	11	22					2	50	3	90	6	205	100%
2. Ngoài CL		**1018**			**143**	**244**			**22**	**467**	**32**	**732**	**37**	**875**	**36**	**1018**	
1	Tân Thông Hội	63	MN Thủy Tiên		7	14					2	50	2	55	3	63	
2		64	MN Thành Danh		7	14			1	25	2	50	2	45	2	64	

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2015)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2018		Lớp Mầm sinh năm 2017		Lớp Chồi sinh năm 2016		Lớp Lá sinh năm 2015		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
3		30	MN Ánh Ánh Dương		4	8			1	25	1	25	1	25	1	30	
4	Thị Trấn Củ Chi	60	MN ABC		8	14			1	25	2	50	2	55	2	60	
5		100	MN Hoa Lan		13	26			2	40	3	60	4	85	4	100	
6		70	MN Sơn Ca		8	15			2	40	2	50	2	55	2	70	
7	Phước Hiệp	35	MN Sao Việt		7	12			2	40	1	25	2	40	1	35	
8	Tân Thạnh Tây	30	MN Trúc Xanh		9	8			1	25	1	25	1	30	1	30	
9		25	MN Thanh Phương		4	8			1	25	1	25	1	30	1	25	
10	Hòa Phú	70	MN Tuổi Ngọc		8	16			2	50	2	50	2	55	2	70	
11		35	MN Anh Dũng		4	8			1	25	1	25	1	30	1	35	
12	Phước Thạnh	50	MN Hoa Hồng		9	14			2	26	1	30	2	55	2	50	
13	Tân An Hội	70	MN Sư Đoàn 9		7	12			1	13	2	40	2	55	2	70	
14	Tân Thạnh Đông	35	MN Bé Thông Minh		6	12			1	25	2	50	2	50	1	35	
15		30	MN Ánh Dương Samho		4	5			1	13	1	13	1	15	1	30	
16	Tân Phú Trung	70	MN Hòoàng Anh		11	12					1	25	2	45	2	70	
17		81	MN Trái Tim Thơ		12	16					4	64	4	60	3	81	
18		40	MN Anh Đào		9	18			3	70	2	50	2	45	2	40	
19	Trung Lập Thượng	60	MN Tuường Vy		6	12					1	25	2	45	3	60	
3. Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục					**228**	**336**			**22**	**393**	**91**	**1654**	**93**	**1787**			
1			MG Phù Đổng		2	3					1	13	1	28			
2			MG Văn Lang		2	3					1	13	1	20			

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2015)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2018		Lớp Mầm sinh năm 2017		Lớp Chồi sinh năm 2016		Lớp Lá sinh năm 2015		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
3	Xã Tân Phú Trung		MG Hướng Dương		2	2					1	13		10			
4			MG Thanh Bình		3	4					1	20	1	20			
5			MG Búp Măng		2	4					1	25	1	25			
6			MG Trúc Phương		2	2					1	13	1	15			
7			MG Như Ý		2	3					1	13	1	20			
8			NT Yến Nhi		2	2			1	25							
9			MG Hoa Mặt Trời		2	2					1	12	1	7			
10			MG Hoa Sen		2	3					1	15	1	15			
11			MG Vườn Hồng		2	3					1	5	1	10			
12			MG Hoa Thiên Lý		2	3					1	13	1	28			
13			MG Hoa Nắng		2	3					1	13	1	22			
14			MG Thùy Dương		2	3					1	20	1	10			
15	xã Tân Thông Hội		MG Tuổi Thần Tiên		4	4					1	20	2	30			
16			MG Mai Vàng		2	3					1	20	1	15			
17			MG Thiên Thần		2	3					1	22	1	15			
18			MG Cát Tường		2	2					1	13	1	15			
19			NT Hải Âu		1	2			1	20							
20			NT Cẩm Nhung		2	1			1	10							
21			MG Hoa Mai		3	2					1	13	1	15			
22			MG Bông Sen Hồng		2	4					1	25	1	25			
23			MG Đức Huy		3	2					1	13	1	15			
24			MG CVK		9	8					2	35	2	35			
25	xã Tân An Hội		MG Nụ Cười Hồng		2	3					1	13	1	20			

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2015)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2018		Lớp Mầm sinh năm 2017		Lớp Chồi sinh năm 2016		Lớp Lá sinh năm 2015		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
26	xã Trung An		MG Thiên Ân		2	4					1	25	1	28			
27			MG Quốc Dũng		2	4					1	25	1	25			
28			MG Quốc Dũng 2		3	4					1	25	1	25			
29			MG Hồng Nhung		2	4					1	20	1	23			
30			MG Hoa Trang		2	4					1	25	1	20			
31			MG Ban Mai Xanh		2	3					1	25	1	15			
32			MG Ánh Khang		2	4					1	20	1	15			
33			MG Bé Ngoan		2	2					1	13	1	15			
34			MG Tân Quy		2	2					1	13	1	15			
35			MG An Nhiên		2	4					1	20	1	20			
36			MG Ngôi Sao Xinh		2	4					1	25	1	20			
37			MG 59		2	2					1	13	1	15			
38	xã Hòa Phú		MG Ánh Mai		2	3					1	25	1	15			
39			MG Hoa Mạ Non		2	4					1	18	1	22			
40			MG Bông Hoa Nhỏ		1	2							1	25			
41			MG Bé Xinh		2	4					1	25	1	25			
42			MG Hoa Mai Trắng		2	3					1	13	1	25			
43	xã Bình Mỹ		MG Ánh Dương		3	4					2	26	1	24			
44			MG Phát Triển		3	4					1	25	1	24			
45			MG Ánh Bình Minh		3	5					2	30	1	25			
46			MG Măng Non		3	5					2	30	1	20			
47			MG Hoa Hồng Nhung		3	4					1	25	1	20			
48			MG Thảo Ngọc		3	4					1	25	1	20			
49			MG Hoa Quỳnh		3	4					1	25	2	25			

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2015)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2018		Lớp Mầm sinh năm 2017		Lớp Chồi sinh năm 2016		Lớp Lá sinh năm 2015		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
50	xã Bình Mỹ		MG Bồ Câu Trắng		2	2							1	20			
51			MG Quỳnh Anh		1	2							1	25			
52			MG Hoa Anh Đào		2	4					1	25	1	20			
53			MG Việt Anh		4	7					2	32	2	38			
54			MG Sóc Nâu		2	4					1	25	1	20			
55			MG Vàng Anh		2	3					1	20	1	15			
56			MG Hồng Ân		3	5					2	38	1	30			
57			MG Búp Măng Non		4	6					2	30	2	30			
58			MG Sao Ban Mai		2	3					1	15	1	15			
59	xã Phú Hòa Đông		MG Thương Hiền		3	5					1	17	2	33			
60			MG Hoa Bách Hợp		2	2					1	13	1	15			
61	xả Tân Thạnh Đông		MG Vân Anh		2	4					1	25	1	25			
62			MG Dâu tây		2	4					1	25	1	25			
63			MG Vy Vy		2	3					1	25	1	15			
64			MG Ánh Sao		2	4					1	25	1	25			
65			NT Kim Cương		2	2			2	25							
66			MG Mặt Trời Hồng		2	3					1	13	1	20			
67			MG Vân Anh 2		2	4					1	25	1	20			
68			MG Sao Mai Hồng		2	2					1	13	1	15			
69			NT Oanh Vàng		2	4			2	40							
70			MG Mèo Ngoan		2	5					1	30	1	25			
71			MG Sắc Cầu Vồng		3	3					1	10	2	20			
72	xã Tân		MG Minh An		2	4					1	20	1	20			

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2015)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2018		Lớp Mầm sinh năm 2017		Lớp Chồi sinh năm 2016		Lớp Lá sinh năm 2015		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
73	Thạnh Tây		MG Huệ Anh		2	4					1	25	1	30			
74	Thị trấn Củ Chi		MG Hoàng Dung		2	3					1	13	1	18			
75			MG Trẻ Thơ		2	5					1	20	1	20			
76			MG Ánh Tuyết		4	8					2	35	2	35			
77			NT Thanh Hằng		2	2			1	25							
78			NT Trâm Anh		2	1			1	25							
79			MG Bảo Thy		2	2			1	25							
80			MG Hoàng Yến		1	2						13	1	15			
81			MG Bắc Hà		2	4					1	18	1	27			
82	xã Phước Vĩnh An		MG Sen Việt		2	3					1	13	1	20			
83			MG Thanh Minh		2	3					1	13	1	20			
84			NT Thần Đồng Việt		2	2			2	25							
85			MG Hoa Tigon		4	4					2	26	2	30			
86			MG Thiện Ân		2	4					1	15	1	20			
87			MG Xuân Thư		3	5					2	30	1	20			
88	xã Phước Hiệp		MG Hạnh Phúc		2	2					1	13	1	15			
89			NT Bé Thơ		2	4			2	35							
90	xã Phước Thạnh		MG Hoa Phượng		2	4					1	25	1	25			
91	xã Phạm Văn Cội		MG Thanh Lan		3	3					1	25	1	15			
92	xã Nhuận Đức		MG Bảo Ngọc		2	4					1	20	1	20			
93			NT Đôremi		3	3			2	28							
	xã An Nhơn Tây		NT Ngôi Sao		2	2			2	30							
			NT Đăng Khoa		1	3			1	30							
	xã Trung		MG Con Ong Nhỏ		2	3					1	13	1	25			

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2015)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2018		Lớp Mầm sinh năm 2017		Lớp Chồi sinh năm 2016		Lớp Lá sinh năm 2015		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
	Lập Hạ		MG Ong Vàng		2	4					1	20	1	25			
			MG Hoa Quỳnh Anh		2	2					1	13	1	15			
	xã An Phú		NTMặt Trời Nhỏ		3	4			3	50							

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ TỪNG XÃ ,THỊ TRẤN, TRƯỜNG TIỂU HỌC NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số: 347/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2020 của UBND huyện Củ Chi)

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
			Tổng cộng:	**5573**	**1341**	**6914**	**210**	**35**		**210**	**47**	**1**	**100**	**6914**	**3089**	
1	Tân Phú	Công lập	Ấp Cây Da (tổ 3 đến tổ 10), xã T.P.Trung	36	12	48										
			Ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Trung	49	9	58										
			Ấp Giòng Sao, xã Tân Phú Trung	51	4	55										
			Ấp Láng Cát, xã Tân Phú Trung	48	2	50										
			Ấp Xóm Đồng (tổ 12, 13), xã T..P.Trung	3	0	3										
			Cộng:	**187**	**27**	**214**	**6**	**35**		**6**	**2**		**3**	**214**	**100**	**100%**
2	Tân Phú Trung	Công lập	Ấp Cây Da (tổ 1, tổ 2), xã TPT	15	8	23										
			Ấp Bến Đò 1, xã Tân Phú Trung	60	15	75										
			Ấp Bến Đò 2, xã Tân Phú Trung	58	10	68										
			Ấp Giữa (từ tổ 1 đến tổ 5A), xã TPT	12	8	20										
			Ấp Xóm Đồng (tổ 14, tổ 15), xã TPT	12	10	22										
			Ấp Đình (từ tổ 9 đến tổ 30), xã TPT	80	42	122										
			Tổ 4, 5, 6 ấp Bàu Sim, xã Tân T. Hội	22	8	30										
			Cộng:	**259**	**101**	**360**	**10**	**35**		**10**	**2**		**5**	**360**	**170**	**100%**

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
3	Nguyễn Thị Lắng	Công lập	Ấp Xóm Đồng (từ tổ 1 đến tổ 11), xã TPT	40	9	49										
			Ấp Giữa (từ tổ 6 đến tổ 16), xã TPT	24	7	31										
			Ấp Đình (từ tổ 1 đến tổ 8), xã TPT	19	3	22										
			Ấp Trạm Bơm, xã TPT	23	2	25										
			Ấp Chợ, xã Tân Phú Trung	49	9	58										
			Cộng:	**155**	**30**	**185**	**6**	**35**		**6**	**2**		**3**	**185**	**92**	**100%**
4	Tân Thông	Công lập	Ấp Thượng (tổ 9 đến tổ 15), xã TTH	36	12	48										
			Ấp Tiền, xã Tân Thông Hội	46	13	59										
			Ấp Trung, xã Tân Thông Hội	60	11	71										
			Ấp Chánh, xã Tân Thông Hội	42	6	48										
			Cộng:	**184**	**42**	**226**	**7**	**35**		**7**	**5**		**4**	**226**	**120**	**100%**
5	Tân Thông Hội	Công lập	Ấp Hậu, xã Tân Thông Hội	33	20	53										
			Ấp Bàu Sim, xã Tân Thông Hội	49	20	69										
			Ấp Thượng (tổ 1 đến tổ 8), xã TTH	10	10	20										
			Tổ 3 Ấp 3, xã Phước Vĩnh An	5	5	10										
			Cộng:	**97**	**55**	**152**	**4**	**35**		**4**			**2**	**152**	**70**	**100%**
6	Tân Tiến	Công lập	Ấp Tân Tiến, xã Tân Thông Hội	34	21	55										
			Ấp Tân Lập, xã Tân Thông Hội	34	10	44										
			Ấp Tân Định, xã Tân Thông Hội	49	10	59										
			Ấp Tân Thành, xã Tân Thông Hội	38	15	53										
			Tổ 4A, 4B, 5, 9A Ấp 3, xã PVA	9	1	10										
			Cộng:	**164**	**57**	**221**	**6**	**35**		**6**			**3**	**221**	**120**	**100%**

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
7	Lê Thị Pha	Công lập	Ấp Xóm Chùa, xã Tân An Hội	31	4	35										
			Ấp Tây, xã Tân An Hội	17	2	19										
			Xóm Huế, xã Tân An Hội	32	3	35										
			Ấp Hậu, xã Tân An Hội	9	1	10										
			Tổ 8 khu phố 5, Thị trấn Củ Chi	5		5										
			Cộng:	**94**	**10**	**104**	**4**	**35**		**4**				**104**		**100%**
8	Nguyễn Văn Lịch	Công lập	Ấp Mũi Lớn 1, xã Tân An Hội	67	5	72										
			Ấp Mũi Lớn 2, xã Tân An Hội	44	4	48										
			Ấp Tam Tân, xã Tân An Hội	23	5	28										
			Cộng:	**134**	**14**	**148**	**4**	**35**		**4**			**4**	**148**	**30**	**100%**
9	Liên Minh Công Nông	Công lập	Ấp Bàu Tre 1, xã Tân An Hội	50	7	57										
			Ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội	50	15	65										
			Ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội	45	10	55										
			Ấp Trung Viết, xã Phước Hiệp	15	2	17										
			Cộng:	**160**	**34**	**194**	**5**	**35**		**5**			**5**	**194**	**194**	**100%**
10	Thị Trấn Củ Chi	Công lập	Khu phố 1, TT Củ Chi (HK ở TTCC)	47		47										
			Khu phố 2 (HK ở Tổ 1, 2, 10, 11, TTCC)	30		30										
			Khu phố 7 (HK ở TTCC)	60		60										
			Khu phố 8 (HK ở TTCC)	25		25										
			Cộng:	**162**		**162**	**6**	**35**		**6**	**5**	**1**	**6**	**162**	**162**	**100%**
11	Thị Trấn Củ Chi 2	Công lập	Khu phố 2 (từ tổ 3 đến tổ 9), TTCC	30	15	45										
			Khu phố 5, Thị trấn Củ Chi	28	10	38										
			Học sinh tạm trú khu phố 1, 2, 8 (TTCC)		35	35										
			Cộng:	**58**	**60**	**118**	**4**	**35**		**4**	**1**		**3**	**118**	**100**	**100%**

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
12	Tân Thành	Công lập	Khu phố 3, Thị trấn Củ Chi	48	23	71										
			Khu phố 4, Thị trấn Củ Chi	23	20	43										
			Khu phố 6, Thị trấn Củ Chi	23	25	48										
			Học sinh tạm trú KP7, TT Củ Chi		25	25										
			Tổ 9B, 10, 11 Ấp 3, xã Phước Vĩnh An	3		3										
			Tổ 6, 8, 10 ấp Tân Thành xã TTH	3		3										
			Tổ 1, 2, 11, 12 ấp Cây Sộp, xã T.An Hội	7		7										
			Cộng:	**107**	**93**	**200**	**6**	**33,33**		**6**			**3**	**200**	**105**	**100%**
13	Phước Vĩnh An	Công lập	Ấp 2, xã Phước Vĩnh An	14	2	16										
			Ấp 3 , xã Phước Vĩnh An	49	4	53										
			Ấp 4, xã Phước Vĩnh An	39	7	46										
			Cộng:	**102**	**13**	**115**	**4**	**35**		**4**			**2**	**115**	**70**	**100%**
14	Trần Văn Chẩm	Công lập	Ấp 1, xã Phước Vĩnh An	44	9	53										
			Ấp 5, xã Phước Vĩnh An	31	7	38										
			Ấp 6, xã Phước Vĩnh An	40	2	42										
			Cộng:	**115**	**18**	**133**	**4**	**35**		**4**	**1**		**2**	**133**	**70**	**100%**
15	Phước Hiệp	Công lập	Ấp Ba Sa, xã Phước Hiệp	18		18										
			Ấp Mũi Côn Đại, xã Phước Hiệp	30		30										
			Ấp Mũi Côn Tiểu, xã Phước Hiệp	27		27										
			Ấp Trại Đèn, xã Phước Hiệp	28		28										
			Ấp Phước Hòa, xã Phước Hiệp	23		23										

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
			Ấp Cây Trôm, xã Phước Hiệp	37		37										
			Ấp Trung Viết, xã Phước Hiệp	15		15										
			Cộng:	**178**		**178**	**6**	**35**		**6**			**2**	**178**	**70**	**100%**
16	Phước Thạnh	Công lập	Ấp Chợ, xã Phước Thạnh	37	12	49										
			Ấp Phước An, xã Phước Thạnh	34		34										
			Ấp Phước Lộc, xã Phước Thạnh	34	2	36										
			Ấp Mây Đắng, xã Phước Thạnh	24		24										
			Ấp Vườn Trầu, xã Phước Thạnh	20	2	22										
			Tổ 7, 8, 8A ấp Mỹ Khánh A; Tổ 1, 7 ấp Mỹ Khánh B, xã Thái Mỹ	15		15										
			Cộng:	**164**	**16**	**180**	**6**	**35**		**6**				**180**		**100%**
17	An Phước	Công lập	Ấp Phước Hưng, xã Phước Thạnh	33	1	34										
			Ấp Bàu Điều, xã Phước Thạnh	23	1	24										
			Ấp Bàu Điều Thượng, xã Phước Thạnh	21	2	23										
			Ấp Mít Nài, xã Phước Thạnh	14		14										
			Ấp Bàu Trâu, xã Phước Thạnh	19	4	23										
			Cộng:	**110**	**8**	**118**	**4**	**35**		**4**				**118**		**100%**
18	Thái Mỹ	Công lập	Ấp Bình Thượng 1, xã Thái Mỹ	33		33										
			Ấp Bình Thượng 2, xã Thái Mỹ	21	1	22										
			Ấp Bình Hạ Tây, xã Thái Mỹ	24		24										
			Ấp Bình Hạ Đông, xã Thái Mỹ	33		33										
			Ấp Tháp, xã Thái Mỹ	20		20										
			Mỹ Khánh A (từ tổ 1 đến tổ 6 và từ tổ 9	45	1	46										
			Mỹ Khánh B (tổ 2, 4, 5, 6, 8, 8A), xã T.M	33		33										
			Cộng:	**209**	**2**	**211**	**6**	**35**		**6**			**2**	**211**	**70**	**100%**

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
19	Lê Văn Thế	Công lập	Ấp Gia Bẹ, xã Trung Lập Hạ	11	1	12										
			Ấp Xóm Mới, xã Trung Lập Hạ	36	7	43										
			Ấp Trảng Lắm, xã Trung Lập Hạ	32	15	47										
			Ấp Cây Sộp (tổ 6 đến 10 và tổ 13 đến tổ	22	8	30										
			Ấp Lào Táo Trung, xã Trung Lập Hạ	24		24										
			Ấp Lào Táo Thượng, xã TLT	26	5	31										
			Cộng:	**151**	**36**	**187**	**6**	**35**		**6**			**3**	**187**	**100**	**100%**
20	Trung Lập Hạ	Công lập	Ấp Vân Hàn, xã Trung Lập Thượng	29		29										
			Ấp Trung Hưng, xã Trung Lập Thượng	13		13										
			Ấp Đồn, xã Trung Lập Hạ	33		33										
			Ấp Trung Hòa, xã Trung Lập Hạ	14		14										
			Ấp Trung Bình, xã Trung Lập Hạ	42		42										
			Tổ 1, 2 ấp Gò Nổi, xã An Nhơn Tây	1		1										
			Cộng:	**132**		**132**	**5**	**35**		**5**			**2**	**132**	**70**	**100%**
21	Trung Lập Thượng	Công lập	Ấp Sa Nhỏ, xã Trung Lập Thượng	20		20										
			Ấp Đồng Lớn, xã Trung Lập Thượng	28		28										
			Ấp Ràng, xã Trung Lập Thượng	38		38										
			Ấp Trung Hiệp Thạnh, xã TLT	28		28										
			Cộng:	**114**		**114**	**3**	**35**		**3**				**114**		**100%**
22	Nhuận Đức	Công lập	Ấp Bàu Chứa, xã Nhuận Đức	20	8	28										
			Ấp Bàu Cạp, xã Nhuận Đức	19	7	26										
			Ấp Đức Hiệp, xã Nhuận Đức	16	7	23										
			Ấp Bàu Tròn, xã Nhuận Đức	21	7	28										
			Cộng:	**76**	**29**	**105**	**3**	**35**		**3**	**3**		**2**	**105**	**70**	**100%**

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
23	Nhuận Đức 2		Ấp Ngã Tư, xã Nhuận Đức	26	4	30										
			Ấp Canh Lý (tổ 1, 2, 5), xã Nhuận Đức	14	3	17										
			Ấp Bến Đình, xã Nhuận Đức	29	5	34										
			Ấp Xóm Bưng, xã Nhuận Đức	15	3	18										
			Ấp Bàu Trăn, xã Nhuận Đức	23	5	28										
			Cộng:	**107**	**20**	**127**	**4**	**35**		**4**				**127**		**100%**
24	Phạm Văn Cội	Công lập	Ấp 1, xã Phạm Văn Cội	24	3	27										
			Ấp 2, xã Phạm Văn Cội	26	4	30										
			Ấp 3, xã Phạm Văn Cội	29	5	34										
			Ấp 4, xã Phạm Văn Cội	11	2	13										
			Ấp 5, xã Phạm Văn Cội	17	2	19										
			Cộng:	**107**	**16**	**123**	**6**	**35**		**6**	**6**		**3**	**123**	**100**	**100%**
25	An Nhơn Đông	Công lập	Ấp Gò Nổi, xã An Nhơn Tây	16	3	19										
			Ấp Gò Nổi A, xã An Nhơn Tây	29	2	31										
			Ấp Lô 6, xã An Nhơn Tây	15	3	18										
			Ấp Xóm Mới (tổ 1 đến tổ 7, tổ 9, 10), xã	52		52										
			Ấp Bà Sòng, xã An Nhơn Tây	16	1	17										
			Ấp Bàu Đưng, xã An Nhơn Tây	9	1	10										
			Tổ 3, 4 ấp Canh Lý, xã Nhuận Đức	5		5										
			Cộng:	**142**	**10**	**152**	**5**	**35**		**5**	**5**		**5**	**152**	**100**	**100%**
26	An Nhơn Tây	Công lập	Ấp Bến Mương, xã An Nhơn Tây	22	2	24										
			Ấp Gót Chàng, xã An Nhơn Tây	32	1	33										
			Ấp Chợ Cũ, xã An Nhơn Tây	28	2	30										
			Ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây	27	3	30										
			Ấp Xóm Trại, xã An Nhơn Tây	26	2	28										

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
			Ấp Xóm Mới (tổ 8), xã An Nhơn Tây	2		2										
			Tổ 9 đến 12 ấp Xóm Chùa, xã An Phú													
			Cộng:	**137**	**10**	**147**	**5**	**35**		**5**	**5**			**147**		**100%**
27	An Phú 1	Công lập	Ấp An Hòa, xã An Phú	34		34										
			Ấp Xóm Thuốc, xã An Phú	25		25										
			Cộng:	**59**		**59**	**4**	**35**		**4**	**4**		**2**	**59**	**59**	**100%**
28	An Phú 2	Công lập	Ấp An Bình, xã An Phú	27		27										
			Ấp Xóm Chùa, xã An Phú	31		31										
			Ấp Phú Bình, xã An Phú	36		36										
			Ấp Phú Trung, xã An Phú	17		17										
			Cộng:	**111**		**111**	**4**	**35**		**4**				**111**		**100%**
29	Phú Mỹ Hưng	Công lập	Ấp Phú Lợi, xã Phú Mỹ Hưng	38	8	46										
			Ấp Phú Hiệp, xã Phú Mỹ Hưng	41	4	45										
			Ấp Phú Thuận, xã Phú Mỹ Hưng	19	2	21										
			Ấp Phú Hòa, xã Phú Mỹ Hưng	18	2	20										
			Cộng:	**116**	**16**	**132**	**4**	**35**		**4**			**2**	**132**	**60**	**100%**
30	Phú Hòa Đông	Công lập	Ấp Phú Thuận, xã Phú Hòa Đông	40	2	42										
			Ấp Phú Trung, xã Phú Hòa Đông	21	1	22										
			Ấp Phú Lợi, xã Phú Hòa Đông	32		32										
			Ấp Chợ, xã Phú Hòa Đông	17	3	20										
			Ấp Phú An, xã Phú Hòa Đông	32	2	34										
			Ấp Phú Bình, xã Phú Hòa Đông	22		22										
			Ấp Bến Cỏ, xã Phú Hòa Đông	30	4	34										
			Ấp Phú Mỹ (tổ 18, 20), xã Phú Hòa Đông	4	3	7										
			Ấp Phú Hòa (tổ 26, 27, 28c), xã PHĐ	4		4										

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
			Tổ 7, 8 ấp Bốn Phú, xã Trung An	4	2	6										
			Cộng:	**206**	**17**	**223**	**6**	**35**		**6**	**6**		**6**	**223**	**223**	**100%**
31	Phú Hòa Đông 2	Công lập	Ấp Phú Hiệp, xã Phú Hòa Đông	44	2	46										
			Ấp Cây Trắc, xã Phú Hòa Đông	12	4	16										
			Ấp Cây Trâm, xã Phú Hòa Đông	42	1	43										
			Ấp Phú Mỹ (từ tổ 11 đến tổ 17; tổ 19; tổ	22		22										
			Ấp Phú Hòa (tổ 22 đến 25, tổ 28A, 28B).	18	4	22										
			Cộng:	**138**	**11**	**149**	**4**	**35**		**4**			**4**	**149**	**149**	**100%**
32	Tân Thạnh Tây	Công lập	Ấp 1, xã Tân Thạnh Tây	23	27	50										
			Ấp 2, xã Tân Thạnh Tây	27	19	46										
			Ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây	22	26	48										
			Ấp 3, xã Tân Thạnh Tây	16	19	35										
			Ấp 3A, xã Tân Thạnh Tây	13	18	31										
			Cộng:	**101**	**109**	**210**	**6**	**35**		**6**			**3**	**210**	**90**	**100%**
33	Trung An	Công lập	Ấp Hội Thạnh, xã Trung An	33	20	53										
			Ấp Ấp Chợ, xã Trung An	45	17	62										
			Ấp An Bình, xã Trung An	26	10	36										
			Ấp An Hòa, xã Trung An	33	12	45										
			Ấp Bốn Phú, xã Trung An	20	6	26										
			Tổ 5, 6, 8, 9 Ấp 5, xã Hòa Phú	18		18										
			Cộng:	**175**	**65**	**240**	**6**	**35**		**6**			**2**	**240**	**70**	**100%**
34	Hòa Phú	Công lập	Ấp 1, xã Hòa Phú	21	15	36										
			Ấp 1A, xã Hòa Phú	22	15	37										
			Ấp 2, xã Hòa Phú	31	20	51										
			Ấp 2A, xã Hòa Phú	15	5	20										

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
			Ấp 3, xã Hòa Phú	20	15	35										
			Ấp 4, xã Hòa Phú	33	24	57										
			Ấp 5, xã Hòa Phú	34	30	64										
			Cộng:	**176**	**124**	**300**	**7**	**35**		**7**			**3**	**300**	**80**	**100%**
35	Bình Mỹ	Công lập	Ấp 6A, xã Bình Mỹ	8	27	35										
			Ấp 6B, xã Bình Mỹ	11	23	34										
			Ấp 7, xã Bình Mỹ	16	34	50										
			Ấp 8, xã Bình Mỹ	15	36	51										
			Cộng:	**50**	**120**	**170**	**4**	**35**		**4**			**2**	**170**	**50**	**100%**
36	Bình Mỹ 2	Công lập	Ấp 1, xã Bình Mỹ	20	15	35										
			Ấp 2, xã Bình Mỹ	6	5	11										
			Ấp 3, xã Bình Mỹ	6	7	13										
			Ấp 4A, xã Bình Mỹ	36	29	65										
			Ấp 4B, xã Bình Mỹ	19	20	39										
			Ấp 5, xã Bình Mỹ	22	30	52										
			Cộng:	**109**	**106**	**215**	**7**	**35**		**7**			**5**	**215**	**120**	**100%**
37	Tân Thạnh Đông	Công lập	Ấp 1, xã Tân Thạnh Đông	45		45										
			Ấp 2, xã Tân Thạnh Đông	25		25										
			Ấp 2A, xã Tân Thạnh Đông	14		14										
			Ấp 9, xã Tân Thạnh Đông	29		29										
			Ấp 10, xã Tân Thạnh Đông	36		36										
			Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông	11		11										
			Ấp 11A, xã Tân Thạnh Đông	21		21										
			Cộng:	**181**		**181**	**6**	**35**		**6**			**1**	**181**	**30**	**100%**

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
38	Tân Thạnh Đông 2	Công lập	Ấp 3A, xã Tân Thạnh Đông	36	8	44										
			Ấp 3B, xã Tân Thạnh Đông	23	7	30										
			Ấp 4, xã Tân Thạnh Đông	35	7	42										
			Ấp 4A, xã Tân Thạnh Đông	26	6	32										
			Ấp 5 (từ tổ 10 đến tổ 12, xã TTĐ	17	5	22										
			Ấp 7 (tổ 1 đến tổ 5), xã TTĐ	12	3	15										
			Ấp 8, xã Tân Thạnh Đông	41	9	50										
			Ấp 9A, xã Tân Thạnh Đông	17	5	22										
			Cộng:	**207**	**50**	**257**	**7**	**35**		**7**			**2**	**257**	**74**	**100%**
39	Tân Thạnh Đông 3	Công lập	Ấp 5 (tổ 1 đến 9; tổ 13 đến 16), xã TTĐ	53		53										
			Ấp 6 (các tổ từ đường 130 đến Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông 3), xã TTĐ	30		30										
			Ấp 6A, xã Tân Thạnh Đông	28		28										
			Ấp 7 (tổ 6 đến tổ 9), xã Tân Thạnh Đông	29		29										
			Ấp 7A, xã Tân Thạnh Đông	19		19										
			Ấp 12 (tổ 1, tổ 11), xã T.T. Đông	30		30										
			Cộng:	**189**		**189**	**5**	**35**		**5**			**1**	**189**	**38**	**100%**
40	TH-THCS Tân Trung	Công lập	Ấp 1A, xã Tân Thạnh Tây	18		18										
			Ấp Thạnh An, xã Trung An	76	22	98										
			Ấp 6 (các tổ từ đường 130 đến Trường TH-THCS Tân Trung), xã TTĐ	30		30										
			Ấp 12 (tổ 2 đến tổ 10 và tổ 12), xã TTĐ	26		26										
			Cộng:	**150**	**22**	**172**	**5**	**35**		**5**			**3**	**172**	**100**	**100%**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3A: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 1 TĂNG CƯỜNG TIẾNG ANH TRƯỜNG TIỂU HỌC NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số: 3457/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2020 của UBND huyện Củ Chi)

TT	Trường Tiểu học	Loại hình	Số lớp tăng cường	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú (Ghi cụ thể ngoại ngữ tăng cường)
	Tổng cộng:		**48**	**1680**	**35**	
1	Tân Phú	Công lập	2	70	35	Tăng cường Tiếng Anh
2	Tân Phú Trung	Công lập	2	70	35	Tăng cường Tiếng Anh
3	Nguyễn Thị Lắng	Công lập	2	70	35	Tăng cường Tiếng Anh
4	Tân Thông	Công lập	5	175	35	Tăng cường Tiếng Anh
5	Thị trấn Củ Chi	Công lập	6	210	35	Tăng cường Tiếng Anh
6	Thị Trấn Củ Chi 2	Công lập	1	35	35	Tăng cường Tiếng Anh
7	Trần Văn Chẩm	Công lập	1	35	35	Tăng cường Tiếng Anh
8	Nhuận Đức	Công lập	3	105	35	Tăng cường Tiếng Anh
9	Phạm Văn Cội	Công lập	6	210	35	Tăng cường Tiếng Anh
10	An Nhơn Đông	Công lập	5	175	35	Tăng cường Tiếng Anh
11	An Nhơn Tây	Công lập	5	175	35	Tăng cường Tiếng Anh
12	An Phú 1	Công lập	4	140	35	Tăng cường Tiếng Anh
13	Phú Hòa Đông	Công lập	6	210	35	Tăng cường Tiếng Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3B: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 1 CHƯƠNG TRÌNH TÍCH HỢP: "DẠY VÀ HỌC CÁC MÔN TOÁN, KHOA HỌC VÀ TIẾNG ANH TÍCH HỢP CHƯƠNG TRÌNH ANH VÀ VIỆT NAM" TRƯỜNG TIỂU HỌC, NĂM HỌC 200 - 2021

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND huyện Củ Chi)

TT	Trường Tiểu học	Loại hình	Số lớp thực hiện chương trình	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
	Tổng cộng:		**1**	**35**	**35**	
1	Thị trấn Củ Chi	Công lập	1	35	35	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TUYỂN SINH LỚP 6 NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số: 3457/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2020 của UBND huyện Củ Chi)

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã , thị Trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
						Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
		TỔNG CỘNG	**7571**	**183**	**45**	**33**	**150**	**11**	**1**	**5**	**7571**	
1	Tân Phú Trung	Trường TH Tân Phú	257									
		Trường TH Nguyễn Thị Lắng	239									
		Trường TH Tân Phú Trung	323									
		Trường TH TT Củ Chi (HK xã T.P. Trung)	6									
		Trường TH TT Củ Chi 2 (HK xã T.P. Trung)	1									
		Trường TH Tân Thành (HK TPT)	1									
		CỘNG	**827**	**18**	**45**		**18**	**2**			**827**	
2	Tân Thông Hội	Trường TH Tân Thông	293									
		Trường TH Tân Thông Hội	128									
		CỘNG	**421**	**11**	**45**		**11**	**4**			**421**	
3	Tân Tiến	Trường TH Tân Tiến	257									
		Trường TH Thị Trấn Củ Chi (HK xã T.T. Hội)	15									
		Trường TH Thị Trấn Củ Chi 2 (HK xã T.T. Hội)	1									
		Trường TH Tân Thành (HK, tạm trú xã T.T. Hội)	5									
		CỘNG	**278**	**5**	**45**		**5**				**278**	

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã , thị Trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
						Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
4	Thị trấn	Trường TH Thị Trấn Củ Chi 2 (HK ở KP 5 TTCC)	10									
		Trường TH Thị Trấn Củ Chi 2 (tạm trú TTCC)	10									
		Trường TH Thị Trấn Củ Chi (HK KP 5 TTCC)	20									
		Trường TH Thị Trấn Củ Chi (HS ở quận, huyện, tỉnh khác tạm trú Thị trấn Củ Chi)	44									
		Trường TH Tân Thành (HS ở quận, huyện, tỉnh khác đến tạm trú Thị trấn Củ Chi)	89									
		Trường TH Lê Thị Pha	125									
		Trường TH Liên Minh Công Nông (Tạm trú ở TT CC)	1									
		Trường TH Liên Minh Công Nông (Tạm trú ở Xóm Chùa xã Tân An Hội)	1									
		CỘNG	**290**	**9**	**45**		**9**				**290**	
5	Thị Trấn 2	Trường TH Thị Trấn Củ Chi (Hộ khẩu TTCC)	169									
		Trường TH Tân Thành (HK TTCC)	139									
		Trường TH Thị Trấn Củ Chi 2 (HK TTCC)	51									
		CỘNG	**359**	**9**	**45**		**9**	**2**	**1**	**4**	**359**	
6	Phước Vĩnh An	Trường TH Phước Vĩnh An	139									
		Trường TH Trần Văn Chẩm	174									
		Trường TH Thị trấn Củ Chi (HK, tạm trú xã PVA)	10									
		Trường TH Thị trấn Củ Chi 2 (HK xã PVA)	3									
		TH Tân Thành (HK, tạm trú xã PVA)	10									
		CỘNG	**336**	**8**	**42**		**8**				**336**	

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyến học sinh Trường tiểu học ấp, xã , thị Trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
7	Tân An Hội	Trường TH Nguyễn Văn Lịch (Ấp Mũi Lớn 1, Mũi Lớn 2, Tam Tân, xã Tân An Hội)	156									
		Trường TH Liên Minh Công Nông (HK ấp Bàu Tre 1,2, Mũi Lớn, TAH	109									
		Trường TH Thị Trấn Củ Chi (HK, tạm trú T.An Hội)	37									
		Trường TH TT Củ Chi 2 (HK xã Tân An Hội)	3									
		TH Tân Thành (HK xã Tân An Hội)	11									
		CỘNG	**316**	**7**	**45**		**7**			**1**	**316**	
8	Phước Hiệp	Trường TH Phước Hiệp	188									
		Trường TH LMCN (HK xã Phước Hiệp)	8									
		Trường TH TT Củ Chi (HK, tạm trú xã Phước Hiệp)	7									
		CỘNG	**203**	**5**	**41**		**5**				**203**	
9	Phước Thạnh	Trường TH Phước Thạnh	190									
		Trường TH An Phước	100									
		Trường TH TT Củ Chi (HK xã Phước Thạnh)	5									
		Trường TH Tân Thành (HK xã Phước Thạnh)	1									
		Trường TH LMCN (HK xã Phước Thạnh)	2									
		CỘNG	**298**	**7**	**42**		**7**				**298**	
10	Nguyễn Văn Xơ	Trường TH Thái Mỹ	246									
		CỘNG	**246**	**6**	**41**		**6**				**246**	

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã , thị Trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
						Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
11	Trung Lập Hạ	Trường TH Lê Văn Thế	117									
		Trường TH TT Củ Chi (HK xã TLH)	12									
		Trường TH Liên Minh Công Nông (HK Ấp Trung Viết, xã Phước Hiệp)	10									
		TH Liên Minh Công Nông (HK xã T. Lập Hạ)	4									
		TH Tân Thành (HK xã TLH, Ấp Cây Sộp, xã TAH)	2									
		TH TT Củ Chi 2 (HK xã TLH, Ấp Cây Sộp, xã TAH)	2									
		TH Liên Minh Công Nông (HK thường trú, tạm trú ấp Cây Sộp, xã TAH)	34									
		CỘNG	**181**	**4**	**45**		**4**				**181**	
12	Trung Lập	Trường TH Trung Lập Thượng	77									
		Trường TH Trung Lập Hạ	170									
		Trường TH TT Củ Chi 2 (HK xã T.L. Thượng)	1									
		Trường TH TT Củ Chi (HK xã T.L. Thượng)	2									
		Trường TH LMCN (HK xã T.L. Thượng)	1									
		Trường TH Lê Văn Thế (HK, tạm trú Lào Táo Trung, Thượng thuộc Xã TLT.TLH	49									
		TH An Phú 1 (HK xã Trung Lập Thượng)	1									
		CỘNG	**301**	**7**	**43**		**7**				**301**	

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyến học sinh Trường tiểu học ấp, xã , thị Trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Kha năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
						Số lớp						
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
13	An Nhơn Tây	Trường TH An Nhơn Tây	153									
		Trường TH An Nhơn Đông	165									
		Trường TH.An Phú 1 (HK, tạm trú xã An N. Tây)	11									
		Trường TH TT Củ Chi (HK xã An Nhơn Tây	1									
		CỘNG	**330**	**8**	**41**		**8**	**1**			**330**	
14	An Phú	Trường TH An Phú 1	42									
		Trường TH An Phú 2	133									
		CỘNG	**175**	**4**	**44**		**4**	**1**			**175**	
15	Phú Mỹ Hưng	Trường TH Phú Mỹ Hưng	140									
		Trường TH An Phú 1 (HK, tạm trú xã PMH)	5									
		Trường TH Tân Thành (HK xã PMH)	1									
		CỘNG	**146**	**4**	**37**		**4**				**146**	
16	Nhuận Đức	Trường TH Nhuận Đức	75									
		Trường TH Nhuận Đức 2	63									
		Trường TH An Phú 1 (HK xã Nhuận Đức)	4									
		Trường TH TT Củ Chi (HK xã Nhuận Đức)	3									
		Trường TH LMCN (HK xã Nhuận Đức)	2									
		Trường TH Tân Thành (HK xã Nhuận Đức)	3									
		CỘNG	**150**	**4**	**38**		**4**				**150**	

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã , thị Trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Kha năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
17	Phạm Văn Cội	Trường TH Phạm Văn Cội	227									
		CỘNG	**227**	**5**	**45**		**5**				**227**	
18	Phú Hòa Đông	Trường TH Phú Hòa Đông	318									
		Trường TH Phú Hòa Đông 2	144									
		Trường TH TT Củ Chi (HK xã P.H.Đông)	3									
		Trường TH Tân Thạnh Tây (HK ở Phú Hòa, xã PHĐ)	1									
		CỘNG	**466**	**10**	**46**		**10**				**466**	
19	Tân Thạnh Tây	Trường TH Tân Thạnh Tây	206									
		Trường TH TT Củ Chi (HK xã T.T.Tây)	1									
		CỘNG	**207**	**5**	**42**		**5**	**1**			**207**	
20	Tân Thạnh Đông	Trường TH Tân Thạnh Đông	196									
		Trường TH Tân Thạnh Đông 2	295									
		Trường TH Tân Thạnh Đông 3 (HK ở Ấp 1,2,3,4,5, Ấp 6A, Ấp 7, Ấp 7a, 8 xã TTĐ)	166									
		Trường TH TT Củ Chi (HK xã T.T.Đông)	1									
		Trường TH Tân Thạnh Tây (HK xã Tân Thạnh Đông)	1									
		CỘNG	**659**	**16**	**44**	**16**					**659**	

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã , thị Trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
21	TH - THCS Tân Trung	Trường TH Tân Thạnh Đông 3 (HK ở Ấp 6, 12 xã Tân Thạnh Đông)	46									
		Trường TH Trung An (HK, tạm trú ở ấp Thạnh An, Hội Thạnh, xã Trung An)	28									
		Trường TH Tân Thạnh Tây (HK tổ 1; 1A, xã Tân Thạnh Tây)	11									
		Trường TH-THCS Tân Trung	143									
		CỘNG	**228**	**9**	**45**	**9**					**228**	
22	Trung An	Trường TH Trung An (HK ấp Chợ, An Bình, Bốn Phú, An Hòa, xã Trung An và tạm trú xã Trung An)	288									
		Trường TH TT Củ Chi (HK xã Trung An)	1									
		CỘNG	**289**	**7**	**41**		**7**				**289**	
23	Hòa Phú	Trường TH Hòa Phú	297									
		CỘNG	**297**	**7**	**42**		**7**				**297**	
24	Bình Hòa	Trường TH Bình Mỹ	108									
		Trường TH Bình Mỹ 2	233									
		CỘNG	**341**	**8**	**43**	**8**					**341**	

Ghi chú: Học sinh có HK ở KP5, Thị trấn Củ Chi có thể đăng ký học ở Trường THCS Thị trấn hoặc Trường THCS Thị trấn 2.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 5A: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 6 TĂNG CƯỜNG TIẾNG ANH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ, NĂM HỌC 2020 - 2021
(Kèm theo Quyết định số: 3457/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2020 của UBND huyện Củ Chi)

STT	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ	LOẠI HÌNH	SỐ LỚP TĂNG CƯỜNG	SỐ HỌC SINH	SĨ SỐ LỚP	GHI CHÚ
	TỔNG SỐ		**11**	**455**		
1	THCS Tân Phú Trung	Công lập	2	80	40	Tăng cường tiếng Anh
2	THCS Tân Thông Hội	Công lập	4	160	40	Tăng cường tiếng Anh
3	THCS Thị Trấn 2	Công lập	2	90	45	Tăng cường tiếng Anh
4	THCS An Nhơn Tây	Công lập	1	40	40	Tăng cường tiếng Anh
5	THCS An Phú	Công lập	1	40	40	Tăng cường tiếng Anh
6	THCS Tân Thạnh Tây	Công lập	1	45	45	Tăng cường tiếng Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 5B: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 6 THEO ĐỀ ÁN CHƯƠNG TRÌNH TÍCH HỢP: "DẠY VÀ HỌC CÁC MÔN TOÁN, KHOA HỌC VÀ TIẾNG ANH TÍCH HỢP CHƯƠNG TRÌNH ANH VÀ VIỆT NAM"
NĂM HỌC 2020 - 2021
(Kèm theo Quyết định số: 3457/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2020 của UBND huyện Củ Chi)

STT	Trường trung học cơ sở	Loại hình	Số lớp thực hiện chương trình	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
	Tổng cộng:		**1**	**35**	**35**	
1	Thị Trấn 2	Công lập	1	35	35	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 6: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CÁC TRƯỜNG TRUNG CẤP, TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số: 3457/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2020 của UBND huyện Củ Chi)

Trường	Số lượng học sinh huy động	Ghi chú
Tổng số:	**1660**	
Trung cấp nghề Củ Chi	830	
TCCN Bách khoa Sài Gòn	110	
TCCN Tây Sài Gòn	55	
Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	665	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN